

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Nội khoa cập nhật năm 2022

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Nội khoa cập nhật năm 2022 (kèm theo).

**Điều 2.** Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *kar*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 263 /QĐ-ĐHYD ngày 15 tháng 2 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

**I. Thông tin chung (General Information)**

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
  - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Nội khoa*
  - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Internal Medicine*
4. Thông tin về kiểm định: *Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa I*
6. Chuyên ngành đào tạo: *Nội khoa*
7. Mã ngành đào tạo: *CK 60 72 20*
8. Thời gian đào tạo: *3 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung*
11. Danh hiệu văn bằng
  - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Nội khoa*
  - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Internal Medicine*

**II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)**

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục Đại học</i>
<b>I. Kiến thức</b>				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	x	x

<b>II. Kỹ năng</b>				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chỉ định xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, dự phòng, chuyển tuyến và tư vấn đảm bảo an toàn, hiệu quả cho người bệnh mắc bệnh nội khoa thông thường	x	x	x
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x
<b>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</b>				
PEO 4	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x

### III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Mô tả chuẩn đầu ra</b> <i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	<b>Phân loại</b>	
		<b>Chuẩn đầu ra chung</b>	<b>Chuẩn đầu ra chuyên biệt</b>
<b>I. Kiến thức</b>			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	
PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để giải thích đúng cơ chế bệnh sinh; khám, chẩn đoán, điều trị, làm thủ thuật, tiên lượng, tư vấn các bệnh nội khoa thường gặp một cách đúng đắn, hợp lý, an toàn, đạt hiệu quả.		x

<b>II. Kỹ năng</b>			
PLO 3	Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp, khám và làm thủ thuật đảm bảo đúng quy trình, an toàn và hiệu quả cho bệnh nhân mắc bệnh nội khoa thường gặp		X
PLO 4	Chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng phù hợp với các biểu hiện lâm sàng của bệnh nhân mắc bệnh nội khoa thường gặp		X
PLO 5	Chẩn đoán chặt chẽ, đầy đủ tính cá thể cho các bệnh nhân nội khoa nội khoa thường gặp và phát hiện kịp thời các cấp cứu nội khoa.		X
PLO 6	Ra quyết định đúng phương pháp điều trị, xử trí cấp cứu ban đầu; kê đơn đảm bảo đúng phác đồ, liều lượng, an toàn và hiệu quả cho bệnh nhân mắc bệnh nội khoa và cấp cứu nội khoa thường gặp.		X
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành nội khoa	X	
<b>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</b>			
PLO 8	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	X	
PLO 9	Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành nội khoa	X	
PLO 10	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	X	

#### IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PEO 1	x	x								
PEO 2			x	x	x	x				
PEO 3							x			
PEO 4								x	x	x

#### V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp (thông báo số 645/TB – ĐHYD, ngày 06/5/2021)

##### 1. Thông tin tuyển sinh

###### \* Thông tin chung

- Đủ sức khỏe
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự

###### \* Điều kiện chuyên môn

- Không giới hạn tuổi dự thi
- Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời gian quy định

###### \* Điều kiện chuyên môn

Có bằng đại học đúng/phù hợp với ngành/chuyên ngành dự thi

Thí sinh được dự thi một lần duy nhất sau khi tốt nghiệp đại học trong thời hạn dưới 12 tháng tính từ ngày cấp bằng, giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.

\*Thâm niên công tác: Có chứng chỉ hành nghề đúng ngành/chuyên ngành dự tuyển

Nếu có chứng chỉ hành nghề không đúng với chuyên ngành nội thì cần có xác nhận của thủ trưởng đơn vị thâm niên công tác trong chuyên ngành nội tối thiểu 1 năm kể từ khi có chứng chỉ hành nghề.

###### \* Chế độ ưu tiên:

- Người công tác liên tục ít nhất 2 năm tại xã thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn ở các địa phương miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo.
- Thương binh, bệnh binh người có giấy xác nhận như thương binh

- Con liệt sĩ
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ít nhất 2 năm liên tục ở địa phương thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn ở các địa phương miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo.
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân tỉnh chứng nhận dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả chất độc hóa học.

(Mỗi thí sinh chỉ được hưởng 1 diện ưu tiên)

- Điều kiện trúng tuyển: Thí sinh có điểm đạt ở tất cả các môn thi (bao gồm cả môn ngoại ngữ), sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở (không tính môn ngoại ngữ) từ cao xuống thấp theo ngành/chuyên ngành dự thi sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu theo ngành/ chuyên ngành đã được phê duyệt).

Trường hợp có nhiều thí sinh có tổng điểm giống nhau, xét trúng tuyển với thí sinh có điểm chuyên ngành cao hơn.

## **2. Điều kiện tốt nghiệp**

Hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo

Hoàn thành nghĩa vụ tài chính

Không bị kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự

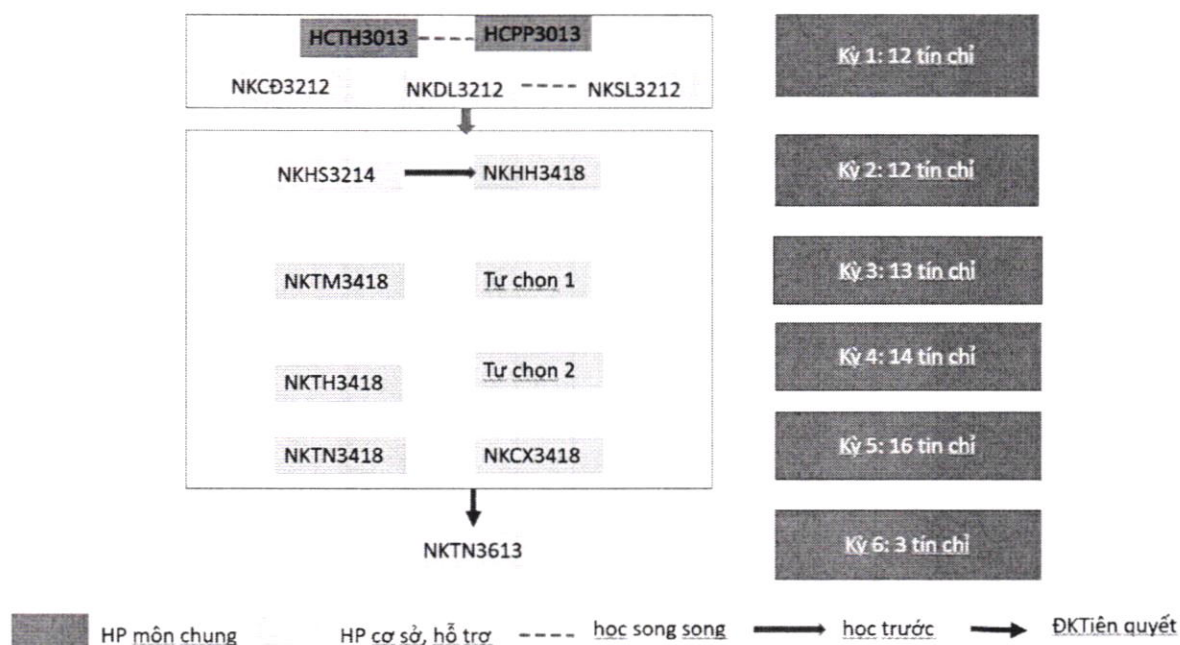
## VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức cơ bản: 6 (8,6%)</b>									
<b>1.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc:</b>									
1	HCTH3013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105			NKPP3013	1
2	HCPP3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90			NKTH3013	1
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ: 10 tín chỉ (14,3%)</b>									
<b>2.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc:</b>									
3	NKSL3212	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2 (2/0)	30	0	70			NKDL3212	1
4	NKCĐ3212	Chẩn đoán hình ảnh	2 (1/1)	15	30	55				1
5	NKDL3212	Dược lâm sàng	2(1/1)	15	30	55			NKSL3212	1
6	NKHS3214	Hồi sức cấp cứu	4(2/2)	30	60	110				2
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: 51 tín chỉ (72.8%)</b>									
<b>3.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc: 40 tín chỉ (57,1%)</b>									
7	NKTM3418	Tim mạch	8 (3/5)	45	150	205	HP I, II			3

8	NKHH3418	Hô hấp	8(3/5)	45	150	205	HP I, II			2
9	NKTH3418	Tiêu hóa	8(3/5)	45	150	205	HP I, II			4
10	NKTN3418	Tiết niệu	8(3/5)	45	150	205	HP I, II			5
11	NKCX3418	Cơ xương khớp	8 (3/5)	45	150	205	HP I, II			5
<b>3.2</b>	<b>Học Phần tự chọn ( chọn 2 học phần để đủ 11 tín chỉ)</b>									
12	NKHO3515	Huyết học	5 (2/3)	30	90	130	HP I, II			4
13	NKNT3516	Nội tiết	6 (2/4)	30	120	150	HP I, II			5
14	NKUT3515	Ung thư	5 (2/3)	30	90	130	HP I, II			4
15	NKTK3516	Thần kinh	6(2/4)	30	120	150	HP I, II			5
<b>IV</b>										
16	NKTN3613	Tốt nghiệp	3 (1/2)	15	60	75		Các HP CN		6
<b>Tổng số</b>			<b>70 (31/39)</b>	480	2340	1860				



## VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



## VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	HCTH3013	H							M	M	M
2	HCPP3013	H						H			H
3	NKSL3212		H					M			
4	NKCD3212		H		M	M		M			
5	NKDL3212		H				H	M			
6	NKHS3214		H	H	H	H	H	M	H	M	M
7	NKTM3418		H	H	H	H	H	M	H	M	M
8	NKHH3418		H	H	H	H	H	M	H	M	M
9	NKTH3418		H	H	H	H	H	M	H	M	M
10	NKTN3418		H	H	H	H	H	M	H	M	M
11	NKCX3418		H	H	H	H	H	M	H	M	M
12	NKHO3515		H	H	H	H	H	M	H	M	M
13	NKNT3516		H	H	H	H	H	M	H	M	M
14	NKUT3515		H	H	H	H	H	M	H	M	M

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	NKTK3516		H	H	H	H	H	M	H	M	M
16	NKTN3613		M	H	H	H	H	M	H	M	M

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

### IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thuyết trình	x	x								
Thảo luận nhóm		x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy - học bên giường bệnh			x				x	x	x	x
Dạy - học ngoài giường bệnh				x	x	x	x	x	x	x

### X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

#### 1. Hình thức, nội dung đánh giá

Đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Thực hiện thời gian biểu, quy định riêng cơ sở học tập (phòng thí nghiệm, bệnh viện...), tích tích cực trong hoạt động nhóm.	10%
Thường xuyên	Khả năng phân tích, giải thích các vấn đề trong nội dung từng học phần Tính tự chủ và chịu trách nhiệm trong thực hiện bài tập, chỉ tiêu Khả năng thực hành chẩn đoán, điều trị, tư vấn, làm thủ thuật thuộc các kỹ năng của học phần chuyên ngành.	10%

<b>Đánh giá</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Trọng số (%)</b>
Giữa học phần	Khả năng tổng hợp, phân tích, giải thích các vấn đề trong nội dung từng học phần Khả năng thực hành chẩn đoán, điều trị, tư vấn, làm thủ thuật cùng với tính chịu trách nhiệm trong thực hành thuộc các kỹ năng của học phần chuyên ngành	30%
Kết thúc học phần/module	Khả năng tổng hợp, phân tích, giải thích, vận dụng, tự học để viết và báo cáo chuyên đề về 1 vấn đề thuộc học phần Khả năng vận dụng các học phần sơ sở và hỗ trợ ngành cùng học phần chuyên ngành trong việc thực hành chẩn đoán, điều trị, tư vấn bệnh nhân có bệnh lý nội khoa thường gặp thuộc các kỹ năng trong học phần chuyên ngành	50%

**2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

<b>Đánh giá</b>	<b>Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)</b>									
	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>
Trắc nghiệm	x	x								
Tự luận	x	x								
Vấn đáp chấm chuyên đề, tiểu luận	x	x							x	x
Vấn đáp trên bệnh nhân, bệnh án			x	x	x	x		x		
Chấm báo cáo nhóm, bệnh án, chỉ tiêu				x	x	x	x	x	x	x

## XI. Đối sánh (Benchmarking)

### *Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước*

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Huế		Trường ĐHYD	
	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	20	19,4	6	8,6
Kiến thức cơ sở và hỗ trợ	10	9,7	10	14,3
Kiến thức chuyên ngành	63	61,2	40	57,1
Tự chọn	0,0	0,0	11	15,7
Tốt nghiệp	10	9,7	3	4,3
<b>Tổng</b>	<b>103</b>	<b>100</b>	<b>70</b>	<b>100</b>

## XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

### *1. Học phần Triết học*

Học phần Triết học thuộc khối kiến thức chung, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp lý luận khoa học theo học thuyết Mac – Lê nin. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học là phương pháp chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra (CĐR) số 1 mức độ cao, CĐR 8, 9, 10 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

### *2. Học phần Phương pháp dạy học lâm sàng*

Học phần Phương pháp dạy học lâm sàng thuộc khối kiến thức chung, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về phương pháp dạy học lâm sàng như xây dựng mục tiêu, kế hoạch bài giảng và thực hành giảng dạy. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai. Các phương pháp đánh giá người học là chấm bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR số 2, 7, 10 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

### ***3. Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch***

Học phần Sinh lý bệnh – Miễn dịch thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức sinh lý bệnh miễn dịch, giúp người học nâng cao khả năng giải thích cho một số quyết định trong thực hành nội khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, tự luận, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào CĐR số 2 mức độ cao, số 7 mức trung bình của chương trình đào tạo.

### ***4. Học phần chẩn đoán hình ảnh***

Học phần chẩn đoán hình ảnh thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học năng lực cơ bản về chẩn đoán hình ảnh, giúp người học có khả năng chủ động phân tích triệu chứng, chẩn đoán hình ảnh một số bệnh lý nội khoa thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào CĐR số 2 mức độ cao, số 7 mức trung bình của chương trình đào tạo.

### ***5. Học phần dược lâm sàng***

Học phần dược lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về dược lâm sàng, giúp người học được nâng cao năng lực kê đơn thuốc, đảm bảo tính hiệu quả, an toàn trong điều trị. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào CĐR số 2,6 mức độ cao, số 4,5,7 mức trung bình của chương trình đào tạo.

### ***6. Học phần hồi sức cấp cứu***

Học phần hồi sức cấp cứu thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT, dạy trước các môn chuyên ngành. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng cơ bản của hồi sức cấp cứu, hỗ trợ người học trong chẩn đoán, xử trí ban đầu kịp thời, có hiệu quả một số cấp cứu nội khoa thông thường. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh và ngoài giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, vấn đáp chuyên đề; lượng giá kỹ năng thực hành bên giường bệnh bằng quan

sát trực tiếp thực hiện thủ thuật, vấn đáp trên bệnh án, chấm chỉ tiêu thực hành. Học phần này đóng góp vào CDR số 2,3,4,5,6,8 ở mức độ cao; số 7,9,10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

### **7. Học phần hô hấp**

Học phần hô hấp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần gồm 8 tín chỉ, có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song. Học phần này sẽ củng cố, nâng cao năng lực thực hành bệnh hô hấp thường gặp cho người học. Các phương pháp dạy - học lý thuyết chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Phương pháp lượng giá gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Các phương pháp dạy học thực hành gồm phương pháp dạy học ngoài giường bệnh (giao ban, bình bệnh án), dạy bên giường bệnh (đi buồng, dạy thủ thuật); lượng giá kỹ năng thực hành bên giường bệnh bằng quan sát trực tiếp thực hiện thủ thuật, vấn đáp trên bệnh án, chấm chỉ tiêu thực hành dựa trên các Rubric; Học phần này đóng góp vào CDR số 2,3,4,5,6,8 ở mức độ cao; số 7,9,10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

### **8. Học phần tim mạch**

Học phần tim mạch thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần gồm 8 tín chỉ, có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song. Học phần này sẽ củng cố, nâng cao năng lực thực hành bệnh tim mạch thường gặp cho người học. Các phương pháp dạy - học lý thuyết chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Phương pháp lượng giá gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Các phương pháp dạy học thực hành gồm phương pháp dạy học ngoài giường bệnh (giao ban, bình bệnh án), dạy bên giường bệnh (đi buồng, dạy thủ thuật). lượng giá kỹ năng thực hành bên giường bệnh bằng quan sát trực tiếp thực hiện thủ thuật, vấn đáp trên bệnh án, chấm chỉ tiêu thực hành dựa trên các Rubric. Học phần này đóng góp vào CDR số 2,3,4,5,6,8 ở mức độ cao; số 7,9,10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

### **9. Học phần tiêu hóa**

Học phần tiêu hóa thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần gồm 8 tín chỉ, có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song. Học phần này sẽ củng cố, nâng cao năng lực thực hành bệnh tiêu hóa thường gặp cho người học. Các phương pháp dạy - học lý thuyết chủ yếu là thuyết trình, thảo luận

nhóm, Phương pháp lượng giá gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Các phương pháp dạy học thực hành gồm phương pháp dạy học ngoài giường bệnh (giao ban, bình bệnh án), dạy bên giường bệnh (đi buồng, dạy thủ thuật). Lượng giá kỹ năng thực hành bên giường bệnh bằng quan sát trực tiếp thực hiện thủ thuật, vấn đáp trên bệnh án, chấm chỉ tiêu thực hành dựa trên các Rubric. Học phần này đóng góp vào CDR số 2,3,4,5,6,8 ở mức độ cao; số 7,9,10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

### ***10. Học phần tiết niệu***

Học phần tiết niệu thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần gồm 8 tín chỉ, có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song. Học phần này sẽ củng cố, nâng cao năng lực thực hành bệnh tiết niệu thường gặp cho người học. Các phương pháp dạy - học lý thuyết chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Phương pháp lượng giá gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Các phương pháp dạy học thực hành gồm phương pháp dạy học ngoài giường bệnh (giao ban, bình bệnh án), dạy bên giường bệnh (đi buồng, dạy thủ thuật). Lượng giá kỹ năng thực hành bên giường bệnh bằng quan sát trực tiếp thực hiện thủ thuật, vấn đáp trên bệnh án, chấm chỉ tiêu thực hành dựa trên các Rubric. Học phần này đóng góp vào CDR số 2,3,4,5,6,8 ở mức độ cao; số 7,9,10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

### ***11. Học phần cơ xương khớp***

Học phần cơ xương khớp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần gồm 8 tín chỉ, có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song. Học phần này sẽ củng cố, nâng cao năng lực thực hành bệnh cơ xương khớp thường gặp cho người học. Các phương pháp dạy - học lý thuyết chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Phương pháp lượng giá gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Các phương pháp dạy học thực hành gồm phương pháp dạy học ngoài giường bệnh (giao ban, bình bệnh án), dạy bên giường bệnh (đi buồng, dạy thủ thuật). Lượng giá kỹ năng thực hành bên giường bệnh bằng quan sát trực tiếp thực hiện thủ thuật, vấn đáp trên bệnh án, chấm chỉ tiêu thực hành dựa trên các Rubric. Học phần này đóng góp vào CDR số 2,3,4,5,6,8 ở mức độ cao; số 7,9,10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

## ***12. Học phần nội tiết***

Học phần nội tiết thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần gồm 6 tín chỉ, có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song. Học phần này sẽ củng cố, nâng cao năng lực thực hành bệnh nội tiết thường gặp cho người học. Các phương pháp dạy - học lý thuyết chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Phương pháp lượng giá gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Các phương pháp dạy học thực hành gồm phương pháp dạy học ngoài giường bệnh (giao ban, bình bệnh án), dạy bên giường bệnh (đi buồng, dạy thủ thuật). Lượng giá kỹ năng thực hành bên giường bệnh bằng quan sát trực tiếp thực hiện thủ thuật, vấn đáp trên bệnh án, chấm chỉ tiêu thực hành dựa trên các Rubric. Học phần này đóng góp vào CDR số 2,3,4,5,6,8 ở mức độ cao; số 7,9,10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

## ***13. Học phần Huyết học***

Học phần Huyết học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần gồm 5 tín chỉ, có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song. Học phần này sẽ củng cố, nâng cao năng lực thực hành bệnh huyết học thường gặp cho người học. Các phương pháp dạy - học lý thuyết chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Phương pháp lượng giá gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Các phương pháp dạy học thực hành gồm phương pháp dạy học ngoài giường bệnh (giao ban, bình bệnh án), dạy bên giường bệnh (đi buồng, dạy thủ thuật). Lượng giá kỹ năng thực hành bên giường bệnh bằng quan sát trực tiếp thực hiện thủ thuật, vấn đáp trên bệnh án, chấm chỉ tiêu thực hành dựa trên các Rubric. Học phần này đóng góp vào CDR số 2,3,4,5,6,8 ở mức độ cao; số 7,9,10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

## ***14. Học phần ung thư***

Học phần ung thư thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần gồm 5 tín chỉ, có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song. Học phần này sẽ củng cố, nâng cao năng lực thực hành bệnh ung thư thường gặp cho người học. Các phương pháp dạy - học lý thuyết chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Phương pháp lượng giá gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Các phương pháp dạy học thực hành gồm phương pháp dạy học ngoài giường bệnh (giao ban, bình bệnh án), dạy bên giường bệnh (đi buồng, dạy thủ thuật). Lượng giá kỹ



năng thực hành bên giường bệnh bằng quan sát trực tiếp thực hiện thủ thuật, vấn đáp trên bệnh án, chấm chỉ tiêu thực hành dựa trên các Rubric. Học phần này đóng góp vào CDR số 2,3,4,5,6,8 ở mức độ cao; số 7,9,10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

### ***15. Học phần thân kinh***

Học phần thân kinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần gồm 6 tín chỉ, có nội dung lý thuyết và thực hành được dạy-học song song. Học phần này sẽ củng cố, nâng cao năng lực thực hành bệnh ung thư thường gặp cho người học. Các phương pháp dạy - học lý thuyết chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Phương pháp lượng giá gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Các phương pháp dạy học thực hành gồm phương pháp dạy học ngoài giường bệnh (giao ban, bình bệnh án), dạy bên giường bệnh (đi buồng, dạy thủ thuật). Lượng giá kỹ năng thực hành bên giường bệnh bằng quan sát trực tiếp thực hiện thủ thuật, vấn đáp trên bệnh án, chấm chỉ tiêu thực hành dựa trên các Rubric. Học phần này đóng góp vào CDR số 2,3,4,5,6,8 ở mức độ cao; số 7,9,10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

### ***16. Học phần tốt nghiệp***

Học phần tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, có điều kiện tiên quyết là đã hoàn thành các học phần thuộc khối chuyên ngành. Học phần này được dạy ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp người học ôn lại, phân tích tổng hợp vấn đề nội khoa, cập nhật kiến thức các bệnh lý nội khoa thường gặp. Các phương pháp dạy - học lý thuyết chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, Phương pháp lượng giá gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Các phương pháp dạy học thực hành gồm phương pháp dạy học ngoài giường bệnh (giao ban, bình bệnh án), dạy bên giường bệnh (đi buồng, dạy thủ thuật). Lượng giá kỹ năng thực hành bên giường bệnh bằng quan sát trực tiếp thực hiện thủ thuật, vấn đáp trên bệnh án, chấm chỉ tiêu thực hành dựa trên các Rubric. Học phần này đóng góp vào CDR số 3,4,5,6,8 ở mức độ cao; số 2,7,9,10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

## **XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo**

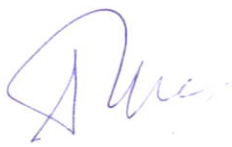



Đội ngũ giảng viên gồm có hơn 50 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó bộ môn Nội có hơn 20 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 6 – PGS.TS, 3 TS - GVC, 7 Thạc sĩ và các Bác sĩ có trình độ CKII, Ths, CKI, Tiến sĩ

công tác tại các bệnh viện thực hành là giảng viên kiêm nhiệm. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Các bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên khá đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực...đáp ứng được yêu cầu đào tạo chuyên khoa I.

**XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**XV. Tiến trình cập nhật**

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Viết lại Bản mô tả chương trình đào tạo theo mẫu ban hành kèm theo QĐ số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021	21/4/2021	 Phạm Kim Liên	 Dương Hồng Thái
2	Sửa lại Bản mô tả CTĐT (mục tiêu, CDR) theo CV số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021	11/2021	 Phạm Kim Liên	 Dương Hồng Thái

**XVI. Thành phần phê duyệt**

**Ban Giám hiệu**



**HIỆU TRƯỞNG**  
**PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng**

**Hội đồng Khoa/Bộ môn**

A blue ink signature in cursive script, likely belonging to PGS.TS. Dương Hồng Thái.

**PGS.TS Dương Hồng Thái**

**Tổ trưởng xây dựng/  
rà soát**

A blue ink signature in cursive script, likely belonging to PGS.TS. Phạm Kim Liên.

**PGS.TS Phạm Kim Liên**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**

---



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2022**